

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 11/9/2020.

*“V/v: Tranh chấp xin ly hôn và nuôi  
con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Triều Vũ Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Buôn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Thạch Thị P, sinh năm: 1996.(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bị đơn: Ông Thạch B, sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020 cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Thạch Thị P trình bày:

Vào năm 2015, tôi và ông B sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T,, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã ly thân từ đó tháng 04/2020 cho đến nay. Trong quá trình chung sống, chúng tôi có một người con chung là cháu Thạch Thị Ngọc A sinh ngày 14/8/2016. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

Nay bà Thạch Thị P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Thạch B.

- Về con chung: Bà P đồng ý giao cháu Thạch Thị Ngọc A sinh ngày 14/8/2016 cho ông Thạch B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Thạch B trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian, thủ tục kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như bà P trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thì ông không đồng ý ly hôn, vì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Về con chung, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung là cháu Thạch Thị Ngọc A sinh ngày 14/8/2016 cho đến khi thành niên, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Thạch Thị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015, bà P và ông B sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập bà P và ông B đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng tại phiên hòa giải bà P vẫn cương quyết muốn ly hôn, bên cạnh đó trong đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà P vẫn giữ nguyên ý kiến là xin được ly hôn với ông B. Nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn

cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Bà Thạch Thị P và ông Thạch B thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có một người con chung tên Thạch Thị Ngọc A sinh ngày 14/8/2016. Hiện cháu A đang sống cùng ông B. Bà P thống nhất giao cháu Thạch Thị Ngọc A cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Kể từ khi bà P và ông B ly thân đến nay, cháu A đều do ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có đầy đủ điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu A. Ngoài ra Hội đồng xét xử cũng ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc giao cháu A cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu A, HĐXX quyết định giao cháu A cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Ông Thạch B không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị P và ông Thạch B xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Thạch Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị P được ly hôn với ông Thạch B.

2/ Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Ngọc A sinh ngày 14/8/2016 cho ông Thạch B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà Thạch Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Thạch Thị P mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị P và ông Thạch B thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị P có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003679 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà P đã nộp xong án phí. Ông Thạch B không phải chịu án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L, huyện T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Tăng Triều Vũ Hà**





